

Thực trạng khả năng chú ý có chủ định của trẻ chậm phát triển trí tuệ dạng nhẹ (6 - 9 tuổi) ở thành phố Hồ Chí Minh trong giờ học thể dục

NCS. Lâm Thanh Minh; PGS.TS. Trịnh Hữu Lộc

TÓM TẮT:

Bài báo cáo nghiên cứu về thực trạng chú ý có chủ định của trẻ chậm phát triển trí tuệ (CPTTT) dạng nhẹ (6 - 9 tuổi) ở thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) trong giờ học thể dục. Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng chú ý của trẻ ở mức độ thấp. Từng thuộc tính của chú ý cũng ở mức độ thấp. Kết quả này ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả học tập của các em. Do vậy, giáo viên (GV) cần phải đầu tư nhiều biện pháp giáo dục phù hợp với năng lực của các em và từng bước nâng cao khả năng chú ý của các em.

Từ khóa: khả năng chú ý, trẻ chậm phát triển trí tuệ, giáo dục thể chất.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo thống kê của tổ chức y tế thế giới (WHO), số lượng người khuyết tật hiện nay chiếm 10% dân số thế giới và phân thành nhiều loại khác nhau. Ở Việt Nam, có hơn 7 triệu người khuyết tật, trong đó có khoảng 3 triệu trẻ em khuyết tật. Theo đó, số trẻ CPTTT chiếm đông nhất (ước tính 27%). Và đồng thời đây cũng là loại trẻ gặp nhiều khó khăn nhất về nhận thức, hành vi thích ứng và khả năng hòa nhập xã hội.

Trong các mức độ của trẻ CPTTT thì trẻ CPTTT mức độ nhẹ chiếm đa số. Khoảng 85% các em ở loại này. Trẻ CPTTT nhẹ có thể đạt tuổi trí tuệ từ 7 đến 12 tuổi (IQ từ 50-55 đến khoảng 70). Và theo Jean Piaget, nhà Tâm lí học Thụy Sĩ, đây là giai đoạn thao tác cụ thể: trẻ có thể hiểu được thế giới theo cách lý luận hơn là tri giác đơn giản thông qua các ý niệm về đối tượng bên ngoài. Tuy vậy, các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhận xét chung là trẻ CPTTT thường rất khó khăn trong việc ghi nhớ tài liệu học tập, nếu không có sự luyện tập thường xuyên thì trẻ sẽ quên kiến thức đã học. Đó là hiện tượng chậm nhớ, chóng quên ở những trẻ này.

Cũng do hạn chế về tư duy nên trẻ CPTTT có sự hạn chế về khả năng tìm ra những dấu hiệu cơ bản nhất của các sự vật và hiện tượng cần nhớ, đặc biệt là trong hoạt động học tập. Theo các nhà nghiên cứu, một trong những nguyên nhân dẫn đến trạng thái trên, là do khả

ABSTRACT:

A study report on intentional attention of children with mild developmental delays (6 - 9 years) in Ho Chi Minh City during physical education. Research shows that children's attention span is low. Each attribute of attention is also low. This result greatly influences their academic performance. Therefore, teachers need to invest in a variety of educational measures that are appropriate to their abilities and step by step improve their attention.

Keywords: attention, mental retardation, physical education.

năng chú ý, đặc biệt là chú ý có chủ định của trẻ CPTTT rất hạn chế. Tuy nhiên, vẫn chưa có những chỉ số phát triển cụ thể dành cho chú ý của trẻ CPTTT dạng nhẹ, trong khi để giáo dục hòa nhập đối tượng này thì việc phát triển khả năng chú ý, nhất là phát triển khả năng chú ý có chủ định trở nên rất quan trọng và cần thiết. Giáo dục sự phát triển chú ý cho trẻ CPTTT hiện nay chỉ được xem là một hoạt động đi kèm với hoạt động giáo dục phát triển các quá trình nhận thức khác như cảm giác - tri giác, tư duy,... mà chưa có những phương pháp và chương trình giáo dục cụ thể.

Do đó, để nâng cao khả năng chú ý có chủ định của trẻ và nhất là trẻ CPTTT cần có những hoạt động tích cực tác động đến đưa trẻ thông qua hoạt động giáo dục mà giáo dục thể chất (GDTC) có thể xem lại một phương thức tác động trực tiếp làm biến đổi căn bản hoạt động và các quá trình nhận thức của trẻ góp phần phát triển tư duy, duy trì sức khỏe. Quá trình đó giúp các em nhanh nhẹn trong ứng xử, giao tiếp, làm nền tảng cho các sự phát triển khác, góp phần bù đắp cho những khiếm khuyết về các chức năng hoạt động sống của các em.

Xuất phát từ thực tế đó, chúng tôi chọn nghiên cứu: **“Thực trạng khả năng chú ý có chủ định của trẻ chậm phát triển trí tuệ dạng nhẹ (6 - 9 tuổi) ở thành phố Hồ Chí Minh trong giờ học thể dục”**.

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng: nghiên

cứ lý luận, điều tra bằng phiếu hỏi, quan sát, phỏng vấn và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Trẻ chậm phát triển trí tuệ

Có rất nhiều khái niệm khác nhau về trẻ chậm phát triển trí tuệ được nghiên cứu, cho đến nay, những khái niệm CPTTT được sử dụng rộng rãi nhất ở Việt nam là theo các tiêu chí của DSM-IV và AAMR năm 1992. Những khái niệm này sử dụng các tiêu chí cơ bản giống nhau như hoạt động trí tuệ dưới mức trung bình, hạn chế về kỹ năng thích ứng và khuyết tật xuất hiện trước 18 tuổi.

Điểm khác nhau là: DSM-IV sử dụng tiêu chuẩn trí tuệ để xác định mức độ KTTT, còn bảng phân loại AAMR sử dụng tiêu chuẩn là khả năng thích ứng xã hội. Tuy nhiên cả hai bảng phân loại này đều chia làm 4 mức độ CPTTT: CPTTT dạng nhẹ chỉ số IQ từ 50 - 55 tới xấp xỉ 70; CPTTT dạng trung bình: chỉ số IQ từ 35 - 40 tới 50 - 55; CPTTT dạng nặng: chỉ số IQ từ 20 - 25 tới 35 - 40; CPTTT dạng rất nặng: chỉ số IQ dưới 20 hoặc 25.

Trong nghiên cứu này chúng tôi dùng thuật ngữ CPTT của DSM-IV để tiến hành nghiên cứu, cụ thể là: đặc điểm cơ bản của chậm phát triển trí tuệ là hoạt động trí tuệ dưới mức trung bình, bị hạn chế đáng kể về ít nhất là hai trong số những lĩnh vực hành vi thích ứng (giao tiếp, tự chăm sóc, sống tại gia đình, các kỹ năng xã hội, sử dụng các phương tiện trong cộng đồng, tự định hướng, sức khoẻ và an toàn, kỹ năng học đường chức năng, giải trí, làm việc), khuyết tật xuất hiện trước 18 tuổi.

2.1.2. Khái niệm chú ý có chủ định

- Khái niệm chú ý:

Trong các từ điển hay các giáo trình, khái niệm chú ý được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Tùy theo khía cạnh, góc độ khác nhau mà khi sử dụng người ta dùng nghĩa này hoặc nghĩa kia của cùng một khái niệm chú ý.

Trong tâm lý học, tính lựa chọn của các quá trình tâm lý được gọi là sự chú ý. Sự chú ý được hiểu như là một nhân tố bảo đảm cho việc tách ra những yếu tố quan trọng cho hoạt động tâm lý. Sự chú ý cũng được hiểu như là quá trình duy trì kiểm soát đối với diễn biến có tổ chức và chính xác của hoạt động tâm lý.

Trên cơ sở tiếp cận các khái niệm về chú ý, người nghiên cứu cho rằng: chú ý là trạng thái tâm lý mà ở đó chủ thể hướng ý thức vào một (hay một nhóm) đối tượng nhất định bên trong hay bên ngoài chủ thể, khi

các đối tượng này gây ra một kích thích đủ mạnh đến chủ thể, đồng thời tương đối tách khỏi các đối tượng khác nhằm phản ánh được tốt hơn.

- Chú ý có chủ định

Chú ý có chủ định là loại chú ý có mục đích tự giác, có biện pháp để hướng chú ý vào đối tượng, đòi hỏi phải có một sự nỗ lực ý chí nhất định. Chú ý có chủ định xuất hiện nhờ có sự nỗ lực có ý thức của con người nhằm thực hiện tốt nhất một hoạt động nào đó. Đặc điểm tiêu biểu của chú ý có chủ định là mang tính mục đích, tính tổ chức, tính bền vững cao.

2.2. Thực trạng khả năng chú ý có chủ định của trẻ CPTTT dạng nhẹ (6 - 9 tuổi) ở TPHCM trong giờ học thể dục

Để nghiên cứu thực trạng chú ý của trẻ chậm phát triển dạng nhẹ trong giờ học thể dục, chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên 80 GV đang dạy tại một số trường chuyên biệt, cụ thể như sau:

- Trường chuyên biệt Hướng Dương 19 GV (23,8%), trường chuyên biệt Bình Minh 15 GV (18,8%), trường chuyên biệt Thảo Điền 16 GV (20%), trường chuyên biệt Tăng bước nhỏ 15 GV (18,8%), trung tâm tư vấn và giáo dục trẻ em Thiên Thần 15 GV (18,8%).

- Về chuyên ngành, có 27 GV chuyên ngành giáo dục đặc biệt (33,8%), 21 GV ngành công tác xã hội, 27 GV ngành tâm lý - giáo dục (33,8%) và có 5 GV ngành GDTC (6,3%).

* Cách chấm điểm:

Căn cứ vào câu trả lời của GV sẽ tiến hành mã hoá từng câu trả lời. Với lựa chọn mức độ rất thấp quy ước là 1 điểm, mức độ thấp là 2 điểm, mức độ trung bình là 3, mức độ cao là 4 điểm và mức độ rất cao là 5 điểm. Điểm số sau khi mã hoá sẽ quy thành điểm trung bình.

* Cách quy đổi điểm:

Tính theo điểm trung bình, điểm thấp nhất là 1, cao nhất là 5, chia làm 5 mức, cụ thể: 1 đến 1,5: rất thấp; 1,51 đến 2,5: thấp; 2,51 đến 3,5: trung bình; 3,51 đến 4,5: cao; 4,51 đến 5: rất cao.

2.2.1. Thực trạng sức tập trung chú ý của trẻ trong giờ học thể dục

Sự tập trung chú ý là khả năng chú ý tập trung vào một phạm vi hẹp, chỉ chú ý đến một hay một số đối tượng cần thiết cho hoạt động nhằm phản ánh đối tượng được tốt nhất, số lượng các đối tượng mà chú ý hướng tới gọi là khối lượng chú ý. Sức chú ý càng cao thì cường độ chú ý càng lớn và hiệu quả hoạt động cao. Sự chú ý biểu hiện ở tư thế, nét mặt tương ứng, ở sự kiềm chế tất cả mọi tác động thừa.

Kết quả nghiên cứu tại các trường chuyên biệt và các trung tâm can thiệp hỗ trợ cho sức tập trung chú ý

của trẻ trong giờ học thể dục ở mức độ thấp (2,47). Trong đó từng thuộc tính của sức tập trung chú ý có mức độ khác nhau. Cao nhất là khả năng chú ý vào một phạm vi hẹp (2,74) tiếp đến là chỉ chú ý đến một hay một số đối tượng cần thiết (2.64), cả hai thuộc tính này thuộc mức độ trung bình. Khả năng chú ý không bị phân tán, bị nhiễu do những kích thích khác không liên quan có điểm số trung bình là 2.05 thuộc mức độ thấp. Đây cũng là khả năng khó thực hiện nhất đối với trẻ chậm phát triển vì các em dễ bị cuốn hút bởi các kích thích khác xảy ra xung quanh.

Như vậy, sức tập trung chú ý của trẻ trong giờ học thể dục ở mức độ thấp, đặc biệt là khả năng tập trung chú ý không bị phân tán, bị nhiễu do những kích thích khác không liên quan.

2.2.2. Thực trạng thuộc tính bền vững của chú ý ở các em trong giờ học thể dục

Thuộc tính bền vững của chú ý là sự duy trì cường độ chú ý cần thiết trong một khoảng thời gian dài. Tính bền vững của chú ý còn được hiểu là khả năng tập trung “tư tưởng” dài hay ngắn vào một phạm vi đối tượng của hoạt động

Theo bảng 2 ở trên, trong các biểu hiện của tính bền vững của chú ý thì khả năng duy trì trong thời gian từ 3-5 phút là có điểm số trung bình cao nhất (2,45), tiếp theo là khả năng chú ý trong thời gian dài đối với một hay một số đối tượng nhất định không chuyển sang đối tượng khác (2,25). Tuy nhiên tất cả những biểu hiện trên đều có điểm số thuộc mức độ thấp (nằm trong khoảng từ 1,51-2,5).

Như vậy thời gian chú ý tối đa của các em chỉ từ 3-5 phút nhưng tỷ lệ rất thấp, tức là khả năng duy trì chú ý của các em ở mức độ thấp, điều này ảnh hưởng rất

nhiều đến hiệu quả của việc học, đòi hỏi GV phải có biện pháp xây dựng giáo án phù hợp với đặc điểm tính bền vững chú ý của các em như là có nhiều hoạt động nhỏ trong thời gian ngắn chứ không nên làm một hoạt động kéo dài.

2.2.3. Thực trạng thuộc tính phân phối chú ý của các em trong giờ học

Phân phối chú ý đề cập đến khả năng phân phối chú ý giữa hai hoặc nhiều nhiệm vụ. Nói cách khác, phân phối chú ý là chú ý cùng một lúc vào một số đối tượng hay các hình thức hoạt động đối với đối tượng.

Khác với thuộc tính tập trung chú ý: khi phân phối chú ý thì cường độ chú ý tương đối ít hơn so với khi tập trung chú ý chỉ một đối tượng hay một hoạt động nhất định. Tuy nhiên, sự phân phối chú ý vẫn đòi hỏi con người phải có những nỗ lực lớn hơn và tiêu phí năng lượng thần kinh nhiều hơn so với khi tập trung chú ý.

Kết quả khảo sát cho thấy sự phân phối chú ý của các em trong giờ học thể dục ở mức thấp với số điểm là 2,21. Biểu hiện thành phần có điểm trung bình cao nhất trong thuộc tính này là khả năng cùng một lúc chú ý đầy đủ đến nhiều đối tượng một cách có chủ định là 2.36, cũng thuộc mức độ thấp nhưng có điểm số cao hơn các biểu hiện còn lại. Như vậy trẻ có thể chú ý cùng lúc nhiều đối tượng hơn là chú ý cùng lúc hai, ba, hoặc nhiều hoạt động.

2.2.4. Thực trạng thuộc tính di chuyển chú ý của các em trong giờ học thể dục

Sự di chuyển của chú ý là khả năng lần lượt tập trung chú ý vào những phạm vi đối tượng nhất định của hoạt động hoặc nhiều hoạt động kế tiếp nhau. Sự di chuyển chú ý được coi là một phẩm chất bởi sự “lần lượt, kế tiếp” này được dự định trước và có kế hoạch

Bảng 1. Sức tập trung chú ý của các em trong giờ học thể dục

TT	Sức tập trung của chú ý	Điểm trung bình
1	Có khả năng chú ý vào một phạm vi hẹp	2.74
2	Chỉ chú ý đến một hay một số đối tượng cần thiết	2.64
3	Có khả năng chú ý không bị phân tán, bị nhiễu do những kích thích khác không liên quan	2.05
Tổng		2,47

Bảng 2. Thực trạng thuộc tính bền vững của chú ý ở các em trong giờ học thể dục

TT	Tính bền vững của chú ý	Mức độ
1	Khả năng duy trì chú ý trong thời gian dài đối với một hay một số đối tượng nhất định không chuyển sang đối tượng khác	2.25
2	Các em có khả năng duy trì chú ý từ 3 - 5 phút	2.45
3	Các em có khả năng duy trì chú ý từ 5 - 7 phút	2.20
4	Các em có khả năng duy trì chú ý từ 7 - 10 phút	1.91
5	Các em có khả năng duy trì chú ý trên 10 phút	1.96
Tổng		2,51

Bảng 3. Thực trạng thuộc tính phân phối chú ý của các em trong giờ học

TT	Sự phân phối của chú ý	Mức độ
1	Khả năng cùng một lúc chú ý đầy đủ đến nhiều đối tượng một cách có chủ định	2,36
2	Khả năng cùng một lúc chú ý đầy đủ đến nhiều hoạt động một cách có chủ định	2,34
3	Các em có thể chú ý đến hai hoạt động cùng một lúc	2,23
4	Các em có thể chú ý đến ba hoạt động cùng một lúc	2,04
5	Các em có thể chú ý nhiều hơn ba hoạt động cùng lúc	2,09
Tổng		2,21

Bảng 4. Thực trạng thuộc tính di chuyển chú ý của các em trong giờ học thể dục

TT	Kỹ năng lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ CPTTT	Mức độ
1	Khả năng chuyển chú ý từ đối tượng này sang đối tượng khác theo yêu cầu của hoạt động và có mục đích rõ ràng	2,35
2	Các em có thể dễ dàng chú ý khi kết thúc giờ ra chơi bắt đầu vào học	2,36
3	Các em có thể chú ý khi chuyển từ hoạt động vui chơi (trò chơi) vào hoạt động học	2,41
4	Các em có thể chú ý khi chuyển từ hoạt động động sang hoạt động tĩnh (ví dụ từ trò chơi khởi động chuyển sang ngồi im nghe lý thuyết)	2,30
Tổng		2,35

chứ không phải là sự tùy tiện khi gặp gì thì chú ý nấy.

Sự di chuyển chú ý không mâu thuẫn với độ bền vững của chú ý và cũng không phải phân tán chú ý vì nó được di chuyển từ đối tượng này sang đối tượng khác một cách có ý thức và khi chuyển sang đối tượng chú ý mới thì chú ý lại được tập trung với cường độ cao.

Theo kết quả bảng 4, điểm trung bình của thuộc tính sự di chuyển chú ý là 2,35, cũng thuộc mức độ thấp nhưng đây là số điểm tương đối cao trong các thuộc tính của chú ý đã khảo sát. Điều này cho thấy đây là nội dung cần được quan tâm khi xây dựng biện pháp tác động để nâng cao khả năng chú ý cho trẻ chậm phát triển trong giờ học thể dục.

3. KẾT LUẬN

Qua khảo sát thực trạng kỹ khả năng chú ý có chủ định của trẻ (6 - 9 tuổi) chậm phát triển trí tuệ dạng nhẹ trong giờ học thể dục ở TPHCM, chúng tôi có một số kết luận sau:

- Nhìn chung khả năng chú ý của các em thuộc mức độ thấp, các biểu hiện thuộc tính chú ý như sức tập trung

của chú ý có điểm số trung bình là 2,47, tính bền vững của chú ý là 2,51, sự phân phối của chú ý là 2,21 và sự di chuyển của chú ý là 2,35.

- Trong các thuộc tính của chú ý trên, thuộc tính nổi trội là tính bền vững của chú ý (2,51), kế đến là sức tập trung của chú ý (2,47), xếp thứ 3 là sự di chuyển của chú ý (2,35) và cuối cùng là sự phân phối của chú ý (2,21) đều đạt mức thấp và cần cải thiện nhiều hơn nữa.

- Kết quả nghiên cứu cũng đặt ra cho trường đào tạo GV chuyên ngành giáo dục đặc biệt cần phải tăng cường các chuyên đề về GDTC dành cho đối tượng chuyên biệt, quan tâm nhiều hơn đến việc nâng cao khả năng chú ý của các em trong giờ học nói chung, đặc biệt là giờ học thể dục nói riêng.

- Cần có chương trình GDTC chuyên biệt cho trẻ CPTTT. GV dạy thể dục cho các em chậm phát triển cần phải phối hợp với GV các bộ môn khác, phải bám sát kế hoạch giáo dục cá nhân của từng em để biết được đặc điểm chú ý để từ đó có xây dựng nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp, tăng cường sử dụng các “công cụ” hỗ trợ như âm thanh, ánh sáng... kết hợp phương pháp trò chơi trong dạy học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban biên soạn bộ tài liệu phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (2008), *Phục hồi chức năng trẻ chậm phát triển trí tuệ*, Bộ Y tế.

2. Lê Thị Bảo Châu (2008), *Tài liệu bài giảng phương pháp hỗ trợ trẻ chậm phát triển trí tuệ*, Trường Đại học Sư phạm TP HCM.

3. Vũ Dũng chủ biên (2008), *Từ điển tâm lý học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

Nguồn bài báo: trích từ kết quả nghiên cứu của đề tài “Khả năng chú ý có chủ định của trẻ (6 - 9 tuổi) chậm phát triển trí tuệ dạng nhẹ ở TP.HCM trong giờ thể dục”, NCS Lâm Thanh Minh.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 24/9/2018; ngày phản biện đánh giá: 8/11/2018; ngày chấp nhận đăng: 14/12/2018)